

Trần Hồng Việt (*)

ĐỊNH LOẠI CÁC LOÀI THÚ HOANG ĐẠI HỌ MÈO - BỘ ĂN THỊT (Felidae-Carnivora) Ở VIỆT NAM (Theo hình thái cấu trúc lông)

Thú hoang đại Họ Mèo - Bộ ăn thịt ở Việt Nam được phát hiện cho đến nay xem ra đầy đủ [1,3] một số loài hiện nay đã rất hiếm, khó thu được mẫu như mèo cá (Felis viverrina) (Felis chaus) ..., do vậy, số mẫu nghiên cứu không có nhiều. Chúng tôi đã dùng 12 mẫu lông của 26 tiêu bản thuộc 8 loài mèo hoang đại ở Bảo tàng Đại học Tổng hợp Hà Nội, Viện Sinh thái Tài nguyên Sinh vật Viện Khoa học Việt Nam, Phòng Bảo tàng động vật khoa học Trường Đại học Sư phạm I Hà Nội để xử lý phân tích, đo tính, quan sát và lập khóa định loại thú hoang đại họ mèo ở Việt Nam (1)

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1/ Sử dụng lông

Chỉ dùng lông phủ là loại lông mang tính chất đặc trưng của loài.

2/ Vị trí lấy lông

Điểm chính giữa bề dài thân trên trục cột sống lưng.

3/ Chọn lông

Lông phủ mèo có 2 loại là lông trụ và lông phủ thường. Dùng loại lông phủ thường.

+ Lông trụ : có đặc điểm cứng, thẳng hoặc hơi cong, không có phần phình rõ rệt, ngắn nhọn dài, thường mọc vượt tầng lông trên lưng.

+ Lông phủ thường : Gốc thường mảnh, lông hơi cong hoặc cong gập từ phần phình, phần phình rõ rệt.

Lông chọn phải là lông đã trưởng thành và còn đầy đủ các bộ phận cần nghiên cứu.

4/ Chuẩn bị mẫu nghiên cứu

+ Làm sạch lông nhiều lần bằng cách rửa nước nóng 70°C, phơi khô rồi rửa ether khô [4].

+ Lên tiêu bản lông: Đặt lông nằm thẳng theo hướng lông bụng, gắn tiêu bản bằng Canada.

+ Lên tiêu bản vẩy: Dùng véc ni đánh móng tay loại không pha nhũ quét lên lam kính mặt lưng của lông.

+ Nghiên cứu: Quan sát, đo tính, vẽ hình, chụp ảnh trên kính hiển vi quang học ở độ đại 15 × 10, 15 × 40.

(*) Tham gia nghiên cứu còn có Lê Thị Đào và Hoàng Mai.

(1) Tác giả xin cảm ơn Bảo tàng động vật ĐHTH, Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật đã điều kiện thuận lợi cho viện nghiên cứu mẫu vật.

Các thông số cần nghiên cứu [2, 4, 5]

Chiều dài lông

Hình dạng ngoài của lông

Hình thái vẩy

Hình thái túy

Độ mềm lông

Chỉ số vó

Chỉ số túy

Phân tích các thông số trên đây đủ sẽ lập được một số khóa định loại cho họ mèo. Trong bài
húng tôi chỉ sử dụng 3 thông số là hình dạng vẩy, hình dạng túy và chỉ số túy.

II. KHÓA ĐỊNH LOẠI CÁC LOÀI THÚ HOANG ĐẠI HỌ MÈO - BỘ ĂN THỊT (Felidae-Carnivora) Ở VIỆT NAM (Theo hình thái cấu trúc lông)

(2) Chỉ số túy trung gian I nhỏ hơn 0,33

Panthera tigris

(1) Chỉ số túy trung gian I lớn hơn 0,33

(4) Túy trung gian I toàn bộ là vách kép kiểu vách bó

Panthera pardus

(3) Túy trung gian I không phải toàn bộ là vách kép kiểu vách bó

(6) Túy phần phình là vách kép kiểu bó thưa

Neofelis nebulosa

(5) Túy phần phình không phải là vách kép kiểu bó thưa

(8) Túy trung gian X là vách kép kiểu bó ken xít và băng đen

Felis chaus

(7) Túy trung gian I không phải là vách kép kiểu bó ken xít và băng đen

(12) Túy trung gian I toàn bộ là vách kép kiểu bó vẩy cá

(11) Vẩy trung gian I toàn bộ là dạng lát

Felis viverrina

(10) Vẩy trung gian I không phải toàn bộ là dạng lát

Felis temminoki

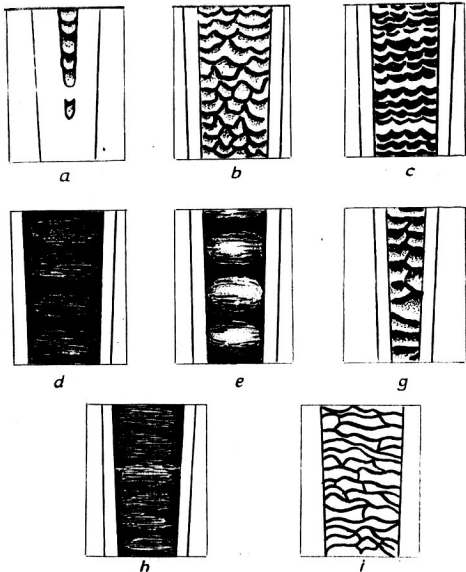
(9) Túy trung gian I là vách kép bó Vẩy cá xen vách đơn và vách kép hình Y, v kiểu vẩy

(14) Túy phần phình là vách kép kiểu bó ken xít

Felis bengalensis

(13) Túy phần phình là vách kép kiểu vách bó

Felis marmorata



Hình dạng túy và vẩy các loài thú họ mèo

- a. Túy dạng vách đơn kiểu vẩy cá
- b. Túy dạng vách kép kiểu vẩy cá
- c. Túy dạng vách kép kiểu bó vẩy cá
- d. Túy dạng vách kép kiểu bó ken xít
- e. Túy dạng vách kép kiểu bó thưa
- g. Túy dạng vách đơn xen vách kép hình Y, V kiểu vẩy cá
- h. Túy dạng vách kép kiểu vách bó
- i. Vẩy dạng lát hình lát ngang

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ellerman J. R. and Morrison-Scott T. G. S., Checklist of Palearctic and Indian Mammals to 1946, British Museum (Nat. Hist.) London, 1951, 200-315.

ong Thị Hoa, Định loại họ cầy - bộ ăn thịt theo hình thái cấu trúc lông. Luận văn ĐHQ,
học Sư phạm Hà Nội, 1988.
n Peenen P. F. D and Col., 1969. Preliminary identification manual for mammals of South
etnam, U. S. Nat. Mus. Smith. Inst. Washington, 1969, 238-254.
ân Hồng Việt, Tạp chí Sinh học, 7 (1): 39-42, (1985).
ân Hồng Việt, Thú hoang đại vùng Sa thày và ý nghĩa kinh tế của chúng. ĐHTH Hà Nội:
92, Hà nội 1986.

Hong Viet

IDENTIFICATION OF WILD CATS (Felidae-Carnivora) VIETNAM (With structural and morphological of the hairs)

In the paper the author proposes the method to identify cats by hairs and gives a key to Felidae of
Vietnam.

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I

CHÍ KHOA HỌC № 4 - 1990

Điền Hoàn

NGUYÊN NHÂN BÀO MÒN BỜ TỤ BỜ BIỂN THÁI BÌNH

Hiện nay trên thế giới cũng như ở nước ta, con người đang tích cực khai khẩn vùng ven biển
để phục vụ cho mục đích kinh tế của mình. Song cho đến nay vẫn còn tồn tại không ít những dẫn
chứ cho thấy con người chưa coi trọng đúng mức những quy luật phát triển bờ, bãi biển, do
đó dẫn đến những hậu quả đáng tiếc và đã phải sử dụng nhiều biện pháp rất tốn kém để khắc
phục những hậu quả đó, thậm chí có những trường hợp đã phải trả một giá quá đắt như việc đắp
bãi Tân Hải đã bị vỡ (1985), Nhà máy nước đá ở Cảng Diêm Điền không sử dụng được vì sa bồi

phá hủy, bào mòn bờ và bãi biển đã trở thành một vấn đề thời sự đang được nhiều người
quan tâm, bởi vì tốc độ bào mòn trong một số trường hợp có thể rất lớn, do nhiều nguyên nhân
khác nhau gây nên. Ví dụ: tốc độ bào mòn ở đoạn bờ phía Nam cửa sông Lân là 2m/năm, ở Hải
Lâm (Hà Nam Ninh) là 2-3m/năm v. v... Hàng năm sóng biển phá hủy đê, đất canh tác, cánh
ruộng, đe dọa phá hủy đường sắt chạy quanh hồ Zabaican (Liên Xô), phá hủy khu du lịch,
núi đá, an đường Ôdétxa (Liên Xô), "Bãi cát vàng" (Bungari), Đồng Châu (Thái Bình) v. v...
Nguyên nhân phá hủy, bào mòn bờ và bãi biển do nhiều nguyên nhân phức tạp gây nên, đòi hỏi chúng
ta phải nghiên cứu một cách nghiêm túc để tìm ra những nguyên nhân gây nên bào mòn, bồi tụ
bờ và bãi biển. Trên cơ sở đó, chúng ta mới đề xuất được những biện pháp bảo vệ bờ, bãi biển
một cách khoa học có hiệu quả và kinh tế nhất.